

DANH SÁCH CÁC LỚP HỌC PHẦN BỊ HỦY
DO KHÔNG ĐỦ SỐ LƯỢNG ĐĂNG KÝ TỐI THIỂU
HỌC KỲ 3 NĂM HỌC 2023 - 2024

STT	Mã lớp học phần	Tên môn học	Số tín chỉ	Sĩ số đăng ký	Mã lớp ban đầu	Ghi chú
1	010100001704	Cấu trúc dữ liệu và thuật giải	3	25	23ĐHTT04	
2	010100002001	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	9	23ĐHQT01	
3	010100002006	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	5	23ĐHNL02	
4	010100002009	Giáo dục thể chất-bóng rổ	1	3	23ĐHNA07	
5	010100008105	An toàn hàng không	2	4	22ĐHQTVT1	
7	010100008205	Quản trị nhân lực	3	4	23ĐHQT05	
8	010100008206	Quản trị nhân lực	3	6	23ĐHQT06	
9	010100012701	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	2	22ĐHQTC1	
10	010100012702	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	18	22ĐHQTC2	
11	010100012703	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	7	22ĐHQTC3	
12	010100012704	Chứng chỉ và cấp phép HĐHK	2	2	22ĐHQTC4	
13	010100013101	Kinh tế vận tải hàng không	2	3	22ĐHQTC1	
14	010100013102	Kinh tế vận tải hàng không	2	11	22ĐHQTC2	
16	010100013104	Kinh tế vận tải hàng không	2	9	22ĐHQTC4	
17	010100013105	Kinh tế vận tải hàng không	2	10	22ĐHQTVT1	
18	010100017804	Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	3	11	22ĐHQTC4	
19	010100018102	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	3	25	22ĐHQTC2	
20	010100039203	Pháp luật HKDD	2	29	22ĐHQTC3	
21	010100044704	Hành vi tổ chức	3	11	23ĐHNL04	
22	010100055104	Nguyên lý thống kê kinh doanh	3	20	23ĐHQT07	
23	010100070801	Thương mại điện tử	3	7	22ĐHQTC1	
24	010100080702	Địa lý du lịch	3	27	23ĐHDL02	
25	010100080804	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	13	23ĐHQT04	
26	010100080807	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	7	23ĐHQT07	
27	010100080808	Dẫn luận phương pháp nghiên cứu khoa học	2	10	23ĐHQT08	
30	010100084605	Toán rời rạc	2	26	23ĐHTT05	
31	010100092407	Nghe - Nói 3	3		23ĐHNA07	
32	010100092411	Nghe - Nói 3	3	3	23ĐHNA07	
33	010100092705	Nghe - Nói 6	3	7	22ĐHNATM2	
34	010100092908	Đọc - Viết 3	3	14	23ĐHNA02	
35	010100092910	Đọc - Viết 3	3	13	23ĐHNA06	
36	010100093204	Đọc - Viết 6	3	15	22ĐHNADL	
37	010100093402	Lý thuyết dịch	2	11	23ĐHNA02	
38	010100093409	Lý thuyết dịch	2	4	23ĐHNA06	
39	010100093901	Hình vị học	2	17	22ĐHNADL	Lớp riêng
41	010100109703	Quản lý Hàng hóa	3	20	23ĐHKV03	
42	010100109705	Quản lý Hàng hóa	3	30	23ĐHKV05	
43	010100113501	Vận tải đa phương thức	2	21	22ĐHKVLQ1	
44	010100118402	Nguyên lý thống kê	3	12	23ĐHNL02	
45	010100121203	Luật lao động	3	19	23ĐHNL03	

STT	Mã lớp học phần	Tên môn học	Số tín chỉ	Sĩ số đăng ký	Mã lớp ban đầu	Ghi chú
46	010100121605	Cú pháp học	2	6	22ĐHNATM2	
47	010100132209	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	6	23ĐHNA04	
48	010100132210	Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 2	3	8	23ĐHNA06	
49	010100138102	Hệ thống thông tin nhân lực	3	27	22ĐHNL02	
51	010100148001	Bảo hiểm vận tải	2	4	22ĐHKVKH	
52	010100158802	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	33	23ĐHQT06	
53	010100158805	Giáo dục thể chất - Bóng đá	1	2	23ĐHQT09	
59	011100008701	Toán chuyên đề	3	28	23ĐHĐT01	
60	011100015601	Hệ thống viễn thông	3	17	22ĐHĐT01	
62	011100016501	PLC	3	26	20ĐHĐT01	
63	011100016701	Hệ thống Nhúng	2	7	21ĐHTĐ01	
64	011100023301	Giáo dục thể chất-Aerobic	1	18	23ĐHKL01	
65	011100031402	Quy tắc bay	2	26	23ĐHKL02	
67	011100058602	Khí cụ điện	3	21	23ĐHTĐ02	
68	011100063803	Điện và điện tử hàng không	3	21	23ĐHKL03	
69	011100073302	Đồ án môn học	3	3	22ĐHKT02	
70	011100082003	Dẫn đường hàng không	3	20	23ĐHKL03	
71	011100088702	Kỹ thuật robot	3	25	21ĐHTĐ02	
72	011100089203	Thực hành máy điện	1	9	23ĐHTĐ02	
73	011100091302	Chuyên đề 1 (TĐH HK)	3	25	21ĐHTĐ02	
74	011100105501	Khí động học 1	3	32	22ĐHKT01	Lớp riêng
75	011100105601	Kết cấu Hàng không 2	3	25	22ĐHKT01	Lớp riêng
76	011100105801	Khí động học 2	3	31	22ĐHKT01	Lớp riêng
77	011100137301	Điều khiển nâng cao	3	27	21ĐHTĐ01	
78	011100139701	An toàn lao động và kỹ thuật môi trường	3	13	22ĐHKT01	
79	011100139702	An toàn lao động và kỹ thuật môi trường	3	1	22ĐHKT02	
80	011100156502	Học máy và ứng dụng	2	22	21ĐHTĐ02	
81	010100000108	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	16	23ĐHQT05	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2024
PHÒNG ĐÀO TẠO